TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **15**/2026/HC-PT
Ngày: 27/8/2026
V/v "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý hành chính về đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Quốc Tuấn

Ông Trần Thanh Tòng

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Ngọc Khánh – Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa*:** Bà Lê Thị Hồng Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân tỉnh Tây Ninh mở phiên toà để xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 15/2026/TLPT-HC ngày 02 tháng 7 năm 2026 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính*".

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 396/2026/QĐ-PT ngày 30 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Dương Thị C, sinh năm 1967; CCCD số: 080167003797; Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền cho bà Dương Thị C: Bà Lê Thị M, sinh năm 1952. Địa chỉ cư trú: Số B, Phạm Văn N, ấp B, xã B, tỉnh Tây Ninh (theo văn bản ủy quyền ngày 07/7/2025, có mặt).

- Người bị kiện:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành N1, Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền: Ông Võ Minh H, Chức vụ: Phó Chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số: 2695/UQ-UBND ngày 24/4/2026, có mặt).

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê Văn H1, Chức vụ: Chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T: Ông Huỳnh Lê Trung V, Chức vụ: Phó Giám đốc Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực B (có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông Lê Văn H1, Chức vụ: Chủ tịch (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Người kháng cáo: Bà Dương Thị C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2025 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện bà Dương Thị C do bà Lê Thị M đại diện trình bày:

Bà Dương Thị C có căn nhà và đất tại khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An sử dụng ổn định từ năm 1963 nằm trong dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B, huyện B theo Quyết định số: 2808/QĐ-UBND ngày 05/4/2021 của UBND tỉnh L.

Ngày 18/5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số: 4413/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án. Ngày 26/6/2024, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 6244/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ khác để thực hiện dự án K chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B.

Ngày 17/11/2022, UBND huyện B ban hành Quyết định số 14475/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ cho bà Dương Thị C để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B. Tổng số tiền bà C nhận là 88.022.067 đồng. Ngày 07/11/2023, bà C làm đơn kiến nghị đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B yêu cầu giải quyết cho bà C lô nền tái định cư. Tại văn bản số 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024, Chủ tịch UBND huyện B trả lời không xem xét, giải quyết yêu cầu của bà C.

Ngày 14/10/2024, bà C khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện B giải quyết lô nền tái định cư bằng hình thức giao đất có thu tiền sử dụng đất. Tại Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An trả lời không chấp nhận yêu cầu của bà C. Ngày 02/12/2024, bà C khiếu nại đến Chủ tịch UBND tỉnh L. Ngày 26/4/2025, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số: 4518/QĐ-UBND không chấp nhận yêu cầu của bà C.

Do đó, bà Dương Thị C khởi kiện yêu cầu:

1. Hủy văn bản số 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

3. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4518/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Minh H đại diện cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh trình bày:

Ngày 08/12/2020, Hội đồng nhân dân tỉnh L ban hành Nghị quyết số 128/NQ-HĐND về chủ trương đầu tư Dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B, huyện B.

Ngày 05/4/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 2808/QĐ-UBND về việc tình huống khẩn cấp Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B, huyện B.

Ngày 18/5/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định số 4413/QĐ-UBND về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B và xã T, huyện B.

Về ban hành Quyết định thu hồi đất và Quyết định bồi thường, hỗ trợ: Bà C không thuộc trường hợp có đất bị thu hồi nhưng bị giải tỏa trắng nhà ở xây dựng trên sông B. Ngày 17/11/2022, UBND huyện ban hành Quyết định số 14475/QĐ-UBND về việc phê duyệt giá trị bồi thường, hỗ trợ bà C để thực hiện công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B với tổng số tiền 88.022.067 đồng, trong đó: Bồi thường giá trị tài sản gắn liền với đất là 36.227.547 đồng; các khoản hỗ trợ 51.794.520 đồng.

Ngày 24/5/2024, Hội đồng bồi thường hỗ trợ tái định cư huyện có biên bản họp số 4835/BB-UBND thống nhất hỗ trợ chính sách hỗ trợ khác (theo Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 6 Điều 21 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L) cho 04 hộ gia đình gồm: Dương Thị C, Nguyễn Thị Hoàng Y, Phan Ngọc T, Nguyễn Thị Ngọc L xây dựng nhà trên đất do Nhà nước quản lý, bị giải tỏa trắng nhà ở (được hỗ trợ) và không còn nơi ở nào khác trên địa bàn thị trấn B thì không giải quyết chính sách tái định cư nhưng được hỗ trợ khác để tự tìm nơi ở mới ổn định cuộc sống với mức hỗ trợ bằng tiền là 115.000.000đồng.

Ngày 26/6/2024, UBND tỉnh L ban hành Quyết định số 6244/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ khác để thực hiện dự án K chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B, huyện B. Trong đó, có 04 trường hợp cất nhà trên đất do Nhà nước quản lý (theo Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và khoản 6 Điều 21 Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh L). Nội dung: Đối với trường hợp 04 gia đình xây

dựng nhà trên đất do Nhà nước quản lý, bị giải tỏa trắng nhà ở (được hỗ trợ) và không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn thị trấn B thì không giải quyết chính sách tái định cư nhưng được hỗ trợ khác để tự tìm nơi ở mới ổn định cuộc sống với mức hỗ trợ bằng tiền là 115.000.000 đồng, trong đó có hộ bà C.

Quá trình giải quyết đơn kiến nghị, khiếu nại:

Ngày 07/11/2023, bà C gửi đơn kiến nghị đến UBND huyện B kiến nghị được mua 01 nền tái định cư ưu đãi trong bồi thường, giải phóng mặt bằng xây dựng công trình Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B. Ngày 09/7/2024, Chủ tịch UBND huyện ban hành văn bản số 1105/UBND-VP về việc trả lời đơn của bà C. Nội dung: Việc bà C có kiến nghị xem xét cho bà được mua 01 nền tái định cư là không đúng theo phương án tái định cư được UBND tỉnh L phê duyệt tại Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2022.

Ngày 14/10/2024, UBND huyện nhận được đơn khiếu nại của bà C đối với văn bản số 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024. Ngày 21/11/2024, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 2045/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà C (lần đầu). Kết quả: Giữ nguyên văn bản số 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch UBND huyện B về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân; bác đơn khiếu nại của bà C.

Bà C khởi kiện yêu cầu: Hủy văn bản số: 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An; hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B không đồng ý toàn bộ.

Tại văn bản số 7976/UBND-NC ngày 07/11/2025 Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T có ý kiến trình bày như sau:

Về căn cứ pháp lý:

- Căn cứ Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B và xã T, huyện B.

- Căn cứ Quyết định số 6244/QĐ-UBND ngày 26/6/2024 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ khác để thực hiện dự án K chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B, huyện B.

Bà C khiếu nại văn bản số: 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An; Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An là không có căn cứ vì:

Nguồn gốc căn nhà số B, Huỳnh Châu S, Khu phố D, thị trấn B, huyện B, tỉnh Long An của bà C được xây dựng trên đất do Nhà nước quản lý theo Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 05/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn B. Căn cứ bản đồ địa chính số 299 và sổ mục kê do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý thể hiện nhà của

bà C không có số thửa đất, số tờ bản đồ và diện tích đất. Bà C không thuộc trường hợp sử dụng đất được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất theo Điều 99 Luật Đất đai năm 2013 nên không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư theo Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh L về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và các chính sách hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B. Vì vậy, bà C khiếu nại yêu cầu Nhà nước hỗ trợ lô nền tái định cư, giao đất có thu tiền sử dụng đất là không có cơ sở xem xét.

Bà C khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số: 4518/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L không đồng ý toàn bộ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T trình bày: Ông Trung V cho rằng Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4518/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 đối với bà C là đúng quy định của pháp luật.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 22 tháng 5 năm 2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 - tỉnh Tây Ninh đã xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị C đối với Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý nhà nước về đất đai", cụ thể các yêu cầu sau:

1.1. Hủy văn bản số: 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

1.2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số: 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

1.3. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số: 4518/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 03/6/2026, bà Dương Thị C có đơn kháng cáo toàn bộ nội dung của bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HCST ngày 22/5/2026 của Toà án nhân dân khu vực 4 – Tây Ninh.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo uỷ quyền của bà C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh phát biểu:

Về trình tự thủ tục: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết

vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử phúc thẩm nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ, căn cứ vào phần tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C yêu cầu: Hủy văn bản số 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4518/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ ý kiến của các bên đương sự và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bà Dương Thị C làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 206 của Luật Tố tụng hành chính nên được xem xét giải quyết theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Về thời hiệu khởi kiện: Ngày 09/7/2024 Chủ tịch UBND huyện B ban hành văn bản số 1105/UBND-VP; Ngày 21/11/2024 Chủ tịch UBND huyện B ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2045/QĐ-UBND; Ngày 26/4/2025 Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4518/QĐ-UBND. Ngày 10/7/2025 bà C nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Khu vực 4, tỉnh Tây Ninh yêu cầu hủy các quyết định trên là trong thời hiệu theo quy định tại Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện: Bà C khởi kiện yêu cầu Hủy văn bản số 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An; Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4518/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L. Căn cứ Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31 của Luật Tố tụng hành chính năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 85/2025/QH15 và khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 104/2015/QH13 của Quốc Hội thì các Quyết định trên là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính.

[4] Việc xét xử vắng mặt đương sự: Người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan

là Ủy ban nhân dân tỉnh T có đơn xin vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt là có căn cứ theo khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

[5] Xét yêu cầu kháng cáo của bà C thấy rằng:

Xét bà C yêu cầu UBND huyện B hỗ trợ mua 01 lô nền tái định cư (thuộc diện giải tỏa trắng) để xây dựng nhà ở ổn định cuộc sống, thấy rằng: Theo Báo cáo số 264/BC-UBND ngày 05/3/2024 của Ủy ban nhân dân thị trấn B, bản đồ địa chính số 299, sổ mục kê do Ủy ban nhân dân thị trấn B quản lý thể hiện nhà của bà C không có số thửa đất, số tờ bản đồ và diện tích đất. Theo biên bản đo đạc, kiểm đếm hiện trạng đất, tài sản của người có tài sản gắn liền với đất thu hồi ngày 08/10/2021 của Hội đồng bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện tại mục "đại diện chủ hộ - bà C có ký tên" thể hiện thông tin: "*Đất đai: không thể hiện thông tin số thửa đất; Nhà: xây dựng trên sông B, kết cấu: nhà sàn, mái tole, kèo gỗ, nền ván gỗ, vách tường + tole, cột gỗ tạp, móng cột đà bê tông cốt thép đúc sẵn trên kệ đà gỗ; điện sử dụng chung ông Đỗ Thanh H2, nước công trình đô thị.*". Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ do Tòa án nhân dân khu vực 4 lập ngày 11/12/2025 thể hiện nội dung: Tại thời điểm thẩm định hiện trạng nhà và đất của bà C không còn, hiện trạng là đất trống, vị trí nhà của bà C nằm trong phạm vi đường của dự án Kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B. Qua phân tích trên có cơ sở xác định căn nhà của bà C tọa lạc trên phần đất công do Nhà nước quản lý nên khi thu hồi UBND huyện B không ban hành quyết định thu hồi đất, không bồi thường về giá trị quyền sử dụng đất mà chỉ bồi thường về các công trình kiến trúc trên đất là phù hợp.

Tại Quyết định số 4413/QĐ-UBND ngày 18/5/2022 của UBND tỉnh L (nay là UBND tỉnh T) về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất bồi thường và chính sách hỗ trợ, tái định cư để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B và xã T, huyện B. Tại tiểu mục 5.1.3 của quyết định trên quy định về điều kiện, đối tượng được bố trí tái định cư và giao đất có thu tiền sử dụng đất như sau:

1/ Trường hợp hộ gia đình cá nhân phải di chuyển chỗ ở do bị thu hồi hết nhà ở, đất ở hoặc bị thu hồi 01 phần diện tích đất ở, nhà ở mà phần diện tích đất ở còn lại sau thu hồi không đủ điều kiện để ở theo quy định của UBND tỉnh mà không còn nhà ở, đất ở nào khác trong địa bàn thị trấn B hoặc xã T (đối với trường hợp thu hồi đất trên địa bàn xã T).

2/ Trường hợp hộ gia đình cá nhân xây nhà ở trên đất nông nghiệp hoặc đất của người khác khi Nhà nước thu hồi đất giải tỏa trắng nhà ở mà không còn chỗ ở nào khác trên địa bàn thị trấn B.

Như đã phân tích ở trên, có cơ sở xác định gia đình bà C cất nhà trên đất công (đất sông rạch) do Nhà nước quản lý nên căn cứ vào quy định trên bà C không đủ điều kiện để hỗ trợ mua 01 nền tái định cư.

Tuy nhiên, do hộ bà C có hoàn cảnh khó khăn, cùng hộ gia đình có nhiều người sinh sống nên ngày 26/6/2024, UBND huyện B ban hành Quyết định số 6244/QĐ-UBND về việc phê duyệt chính sách hỗ trợ khác để giải phóng mặt bằng thực hiện dự án kè chống sạt lở bờ sông, bảo vệ thị trấn B trên địa bàn thị trấn B và xã T, huyện B hỗ trợ cho bà C số tiền là 115.000.000đ để tự tìm nơi ở mới.

Từ những phân tích trên có cơ sở xác định Chủ tịch UBND huyện B, Chủ tịch UBND tỉnh L ban hành các quyết định có nội dung không đồng ý hỗ trợ cho bà C được mua 01 nền tái định cư là đúng quy định pháp luật. Vì thế, cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C là có căn cứ.

[6] Từ những phân tích đánh giá nêu trên xét thấy yêu cầu kháng cáo của bà C là không có căn cứ nên không chấp nhận như quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tại phiên Tòa. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[7] Án phí hành chính phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo của bà C không được chấp nhận nên bà C phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Điều 349 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 nhưng do bà C là người cao tuổi được miễn nộp án phí hành chính phúc thẩm nên bà C không phải nộp án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính

Không chấp nhận kháng cáo của bà Dương Thị C.

Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 03/2026/HC-ST ngày 22/5/2026 của Tòa án nhân dân Khu vực 4 – Tây Ninh.

Căn cứ Điều 30, Điều 31, Điều 31a; Điều 193, Điều 204, Điều 206, Điều 348, Điều 358 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ Điều 69, Điều 74, Điều 95, Điều 96 Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 47/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị C đối với: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Tây Ninh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh T về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính*", cụ thể các yêu cầu sau:

1.1. Hủy văn bản số 1105/UBND-VP ngày 09/7/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

1.2. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 2045/QĐ-UBND ngày 21/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Long An.

1.3. Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 4518/QĐ-UBND ngày 26/4/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh L.

2. Về chi phí tố tụng: Bà Dương Thị C phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 1.500.000 đồng, bà C đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Bà Dương Thị C được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

5. Về án phí hành chính phúc thẩm: Bà Dương Thị C phải chịu án phí phúc thẩm nhưng do bà C là người cao tuổi thuộc đối tượng được miễn án phí nên bà C không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

6. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDTC;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- TAND Khu vực 4 – Tây Ninh ;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Nguyễn Phước Thanh